

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2026

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Bời;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987; số căn cước: 0201870087**, ngày cấp: 08-7-2024, nơi cấp: Bộ Công an; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M1, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Y, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bé Văn T1, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 0200890127**, ngày cấp: 18-11-2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; địa chỉ: Thôn M1, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Bé Văn T1 được tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn ngày 17-4-2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn M1, xã Q, tỉnh Lạng Sơn, lúc đầu cuộc

sống bình thường được khoảng 02 tháng, sau đó mẫu thuẫn phát sinh, bất đồng quan điểm, không hòa hợp, anh Bé Văn T1 thường xuyên đi uống rượu về là đánh chị, hai bên gia đình đã hòa giải, chị cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng không cải thiện. Anh, chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2025 đến nay; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bé Văn T1.

Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Bé Văn T1 không có con chung.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bé Văn T1, tại bản tự khai ngày 25-6-2026 trình bày: Anh và chị Hoàng Thị H được tự do tìm hiểu, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 17-4-2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mẫu thuẫn, cãi vã gì. Đến tháng 9-2025, chị Hoàng Thị H tự bỏ đi cho đến nay không về. Anh liên lạc với chị Hoàng Thị H nhưng không được, anh đã liên lạc với mẹ đẻ của chị Hoàng Thị H, bà bảo sẽ nói chuyện với chị Hoàng Thị H nhưng sau đó cũng không thấy chị Hoàng Thị H về. Từ lúc chị Hoàng Thị H bỏ đi anh chị không còn chung sống, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Hoàng Thị H làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhưng anh Bé Văn T1 không có mặt, Tòa án thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Bé Văn T1, nhưng anh Bé Văn T1 không chấp hành, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên họp chị Hoàng Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đối với vụ án; Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã thông báo kết quả cho anh Bé Văn T1. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng phiên tòa ngày 05-8-2026, anh Bé Văn T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Bé Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tòa án đã tiến hành làm việc với Công an xã Q, tỉnh Lạng Sơn cho thấy: Anh Bé Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn M1, xã Q, tỉnh Lạng Sơn và hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Tại Biên bản làm việc ngày 25-6-2026, bà Nông Thị M2 (mẹ đẻ của anh Bé Văn T1) trình bày: Anh Bé Văn T1 và chị Hoàng Thị H được tự do tìm hiểu qua điện thoại một thời gian, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2024. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn M1, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Anh chị không có con chung. Anh chị mẫu thuẫn thế nào bà không biết. Chị Hoàng Thị H bỏ đi từ tháng 9-2025 đến nay. Gia đình bà và anh Bé

Văn T1 cũng không đi đón chị Hoàng Thị H về. Hiện nay, anh Bé Văn T1 ở nhà, các văn bản của Tòa án gửi anh Bé Văn T1 đều nhận được. Chị Hoàng Thị H xin ly hôn, bà không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Bé Văn T1; anh chị không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn giải quyết ly hôn với anh Bé Văn T1 cư trú tại xã Q, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các văn bản đều được tổng đạt hợp lệ cho đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Bé Văn T1 không thực hiện đúng quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bé Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị H gửi đơn xin ly hôn với anh Bé Văn T1, anh chị không có con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Bé Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 17-4-2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 9 năm 2025 đến nay, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị Hoàng Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bé Văn T1; bản thân anh Bé Văn T1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn, cải thiện tình cảm. Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Bé Văn T1. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Bé Văn T1 đã trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Bé Văn T1.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Bé Văn T1 không có con chung.

[5] Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001171, ngày 25-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của các đương sự, các nội dung có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận; nội dung không phù hợp không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Bé Văn T1.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Bé Văn T1 không có con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001171, ngày 25-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bé Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (PGĐ, KT, TT&THA);
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn (Phòng THADS khu vực *);
- UBND xã Q, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Liều Thị Hạnh